TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TPNĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 320/2023/HNGĐ-ST Ngày: 14-7-2023 V/v ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Quang Chung

Ông Ngô Kim Thành

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Phương Thủy – Thư ký Toà án nhân dân TPNĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ tham gia phiên toà***: Ông Phạm Bá Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28-6-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1987; căn cước công dân số 035187004998; nơi cư trú: Số nhà 6/27 đường Cống An P, phường Quang T, TPNĐ, tỉnh Nam Định (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1988; căn cước công dân số 036088001952; nơi cư trú: Số nhà 6/27 đường Cống An P, phường Quang T, TPNĐ, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28-4-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân Ủy ban nhân phường Quang T, TPNĐ, tỉnh Nam Định vào ngày 19-3-2013. Sau khi kết hôn chị và anh Nguyễn Thành T sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không chia sẻ quan tâm đến nhau dẫn đến việc không chung

sống được cùng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng từ năm 2017 cho đến nay. Chị và con chung của vợ chồng đã chuyển ra chỗ khác để ở riêng từ ngày 21/4/2023 cho đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thành T có 01 con chung là Nguyễn Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 17-3-2014. Hiện tại cháu Ngọc đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con vì từ bé đến nay cháu Ngọc đều do chị chăm sóc, dạy dỗ, cháu Ngọc là con gái nên rất cần có mẹ chăm sóc. Anh T không biết cách nuôi dưỡng, chăm sóc con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 25-5-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Nguyễn Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng như chị Trần Thị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến sau Tết năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không chung quan điểm, cuộc sống chung gặp khó khăn, anh bận công việc không quan tâm đến gia đình được nhiều. Từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng không chung sống cùng nhau, chị T đã cho con đi nơi khác để ở. Đến nay anh cũng chưa có giải pháp gì để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Trần Thị T đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Nếu trong trường hợp anh không chăm sóc được con anh sẽ gửi con cho em trai anh là Nguyễn Chí Hiếu, sinh năm 1991; địa chỉ: Ngõ Thép Mới, phường Thống Nhất, TPNĐ hoặc anh nhờ bố, mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng giúp. Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu Tòa án giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Nếu anh trực tiếp nuôi con anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại đơn đề nghị ngày 22-5-2023 cháu Nguyễn Bảo N – con chung của chị T và anh T trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của cháu.

4. Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện ủy ban nhân dân phường Quang T, TPNĐ nơi anh Nguyễn Thành T và chị Trần Thị T cư trú cung cấp:

Vợ chồng chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Quang T, TPNĐ, tỉnh Nam Định vào ngày 19-3-2013. Anh Nguyễn Thành T và chị Trần Thị T đăng ký thường trú tại: Số nhà 6/27 đường Cống An P, phường Quang T, TPNĐ, tỉnh Nam Định. Chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 17-3-2014. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, chính quyền địa phương không biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị T, anh Nguyễn Thành T và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 17-3-2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng) kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi cháu Nguyễn Bảo N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí ly sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Thành T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Thành T, giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Nguyễn Thành T không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Quang T, TPNĐ, tỉnh Nam Định vào ngày 19-3-2013. Như vậy hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không chia sẻ quan tâm đến nhau dẫm đến việc vợ chồng hiện tại không còn chung sống cùng nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T, xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về nuôi con: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T có một con chung là cháu Nguyễn Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 17-3-2014. Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T đều là chính đáng, tuy nhiên, hiện tại cháu Nguyễn Bảo N còn nhỏ và đang được chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; mặt khác cháu Ngọc là con gái, có nguyện vọng được ở với mẹ nên nếu giao cho chị T trực tiêp nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ hợp lý hơn. Vì thế, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh Nguyễn Thành T trình bày nếu Tòa án giao con cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét mức cấp dưỡng phù hợp với mức sinh hoạt tại địa phương, phù hợp với khả năng kinh tế của anh T nên được ghi nhận.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí Dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, án phí được quyết định như sau:

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án chị Trần Thị T đã nộp được khấu trừ vào án phí.

3.2. Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Thành T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 17-3-2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo N 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng) kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi cháu Nguyễn Bảo N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

4. Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000093 ngày 17-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TPNĐ.

Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Thành T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6. Anh Nguyễn Thành T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Chi cục Thi hành án TPNĐ;
- UBND phường Quang T, TPNĐ (Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2013 ngày 19-3-2013);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mai Anh